

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/10/2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXX-ST ngày 08/9/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐ-ST ngày 25/9/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Hà Minh L, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Hựu, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hựu, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B. (Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị Th tại Việt Nam là thôn Hựu, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 14/5/2020 nguyên đơn ông Hà Minh L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Th đi đến hôn nhân vào tháng 3/1989 đến tháng 12/2002 đăng ký kết hôn tại UBND xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2008 do điều kiện kinh tế gia đình chưa ổn định nên vợ chồng ông có bàn bạc với nhau, đi đến thống nhất và ông đã đồng ý cho bà Th đi làm kinh tế ở nước ngoài (Đảo Síp) để phát triển kinh tế gia đình. Đến đầu năm 2016 thì bà Th có về thăm gia đình, do sống xa cách lâu ngày nên khi về gần nhau thì ông bà cũng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và bất hòa. Đến tháng 7/2017 thì bà Th đã tự ý bỏ đi Đảo Síp lần 2 không có sự đồng ý của ông và cắt đứt liên lạc với ông, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Về con chung: Ông và bà Th có 2 con chung là cháu Hà Minh S, sinh năm 1991 và cháu Hà Thu Tr, sinh năm 1993. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông L còn trình bày: Hiện nay bà Th vẫn ở Đảo Síp, địa chỉ cụ thể của bà Th ở Đảo Síp anh không cung cấp cho Tòa án được vì ông không liên lạc được với bà Th, bà Th vẫn liên lạc cho con trai là Hà Minh S, sinh năm 1991 và con gái là Hà Thu Tr, sinh năm 1993 đều trú tại: Thôn Hựu, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B và cố tình giấu địa chỉ với ông nên ông không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên ông không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa ông và bà Th được, nên anh đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa ông và bà Nguyễn Thị Th.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th không có bản tự khai.

Ngày 14/8/2020 và ngày 21/8/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với anh Hà Minh S, trú tại: Xóm Hựu, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B là con trai của bà Nguyễn Thị Th và ông Hà Minh L, để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh S thông báo cho bà Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa ông Hà Minh L và bà Nguyễn Thị Th; yêu cầu bà Th viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu anh S cung cấp địa chỉ cụ thể của bà Th ở Đảo Síp. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc anh S vẫn giữ nguyên quan điểm là bà Th ở Đảo Síp vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình

nhưng anh không cung cấp địa chỉ cụ thể của bà Th ở Đảo Síp cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của bà Th, đồng thời anh cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho bàThung biết để bà Th gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của bà Th gửi về.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hà Minh L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Th vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của ông L; Biên bản làm việc với con trai của bà Th, ông L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn ông Hà Minh L có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Th không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bà Th; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt bà Th là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh L. Xử cho ông Hà Minh L được ly hôn bà Nguyễn Thị Th. Ông Hà Minh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Hà Minh L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Hà Minh L.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với con trai của bà Th là anh Hà Minh S để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh S thông báo cho bà Th biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa ông Hà Minh L và bà Nguyễn Thị Th; Yêu cầu bàThung viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu anh S cung cấp địa chỉ cụ thể của bà Th ở Đảo Síp. Anh Hà Minh S trình bày: Mẹ anh là bà Th vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà anh S vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của bà Th cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bà Th

biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Th theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Ông Hà Minh L là nguyên đơn có đơn xin ly hôn bà Nguyễn Thị Th, bà Th hiện đang lao động tại Đảo Síp nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 7888/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 03/6/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì bà Th xuất nhập cảnh 03 lần, lần gần đây nhất là ngày 03/9/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của bà Th ở Việt Nam là: Thôn Hựu, xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: ông L và bà Nguyễn Thị Th đi đến hôn nhân vào tháng 3/1989 đến tháng 12/2020 đăng ký kết hôn tại UBND xã Trù H, huyện Lục Ng, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2008 do điều kiện kinh tế gia đình chưa ổn định nên vợ chồng anh có bàn bạc với nhau và đi đến thống nhất và anh đã đồng ý cho bà Th đi làm kinh tế ở nước ngoài (Đảo Síp) để phát triển kinh tế gia đình. Đến đầu năm 2016 thì bà Th có về thăm gia đình, do sống xa cách lâu ngày nên khi về gần nhau thì ông bà cũng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau và bất hòa. Đến tháng 7/2017 thì bà Th đã tự ý bỏ đi Đảo Síp lần 2 không có sự đồng ý của ông và cắt đứt liên lạc với ông, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, bà Th chỉ gọi điện về cho các con và ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Hà Minh L với bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn ông L và bà Th chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2008 thì bà Th đi lao động tại nước ngoài thời gian này vợ chồng vẫn liên lạc với nhau và quan tâm đến nhau. Đến năm 2016 thì bà Th về nước, nhưng do sống xa cách nhau lâu ngày nên hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau và luôn bất đồng quan điểm sống, nên không được sự đồng ý của ông L bà Th lại đi lao động tại Đảo Síp lần thứ 2 và vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau bà Thung chỉ gọi điện cho các con và vợ chồng ông bà không còn

quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông L và bà Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh L. Xử cho ông L được ly hôn với bà Th.

[4]. Về con chung: ông L và bà Th có 2 con chung là cháu Hà Minh S, sinh năm 1991 và cháu Hà Thu Tr, sinh năm 1993. Hiện nay, các cháu đã trưởng thành, ông không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Hà Minh L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hà Minh L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Không đề nghị, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Hà Minh L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2018/0000693 ngày 16/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận ông L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Hà Minh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Th hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Trù Hựu, Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chuyển Nguyễn Văn Chiến

Trần Thị Hà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Trù Hựu, Lục Ngạn
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM THẨM PHÁN-CHỦ
TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

